

Một số ý kiến về Luật Giáo dục đại học và Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành

TS. DƯƠNG TẤN DIỆP

ĐH. Kinh tế - Tài chính TP. HCM

1. Các văn bản dưới luật chi phối hoạt động các cơ sở giáo dục đại học

Điều 2 của Dự thảo Nghị định đề cập đến một số văn bản như “Điều lệ trường đại học, Điều lệ trường cao đẳng, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học”. Điều 2 này có những vấn đề nên được cân nhắc:

1.1. Nội dung chưa hoàn toàn nhất quán

- Tiêu đề của Điều 2 thiếu nhất quán so với nội dung: Điều lệ thì phân ra đại học và cao đẳng, còn Quy chế tổ chức & hoạt động thì nói chung là của cơ sở giáo dục đại học. Trong khi đó, mục 2 của Điều này lại phân ra Quy chế tổ chức và hoạt động trường đại học tư thục và Quy chế tổ chức và hoạt động trường cao đẳng tư thục.

- Mục 2 quy định: “Quy chế tổ chức và hoạt động trường đại học tư thục, Quy chế tổ chức và hoạt động trường cao đẳng tư thục gồm các quy định cụ thể hoá Điều lệ



Luật Giáo dục đại học (Luật GDDH) bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2013. Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GDDH được công bố trên mạng ngày 18/12/2012 để xin ý kiến đóng góp⁽¹⁾. Bài viết này nhằm phân tích và nêu quan điểm của tác giả về những điều chưa hợp lý hoặc cần chỉnh sửa, bổ sung đối với hai văn bản nêu trên. Nội dung đề cập đến các văn bản dưới Luật GDDH, quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục đại học không vì lợi nhuận, tổ chức hoạt động trường đại học tư thục, tài sản chung không chia của trường đại học tư thục.

Từ khóa: Luật Giáo dục đại học, văn bản dưới luật, quyền tự chủ, đại học tư thục, giáo dục không vì lợi nhuận, tài sản chung.

⁽¹⁾ Dự thảo lần 2, công bố tại <http://vanban.moet.gov.vn/?page=1.15&script=viewdoc&view=4644&opt=brpage>

trường đại học, Điều lệ trường cao đẳng”. Vậy còn các cơ sở giáo dục đại học khác thì sao? (ví dụ Mục 3 có đề cập đến “Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên đại học vùng”).

1.2. Quá nhiều loại văn bản

Không kể Nghị định hướng dẫn, những loại văn bản chi phối hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học gồm: Luật GDDH; Điều lệ chung; Quy chế tổ chức hoạt động chung; Điều lệ riêng và Quy chế tổ chức hoạt động riêng của từng cơ sở GDDH⁽¹⁾. Thực ra, nếu biên

⁽¹⁾ Không kể Nghị định hướng dẫn thi hành, Doanh nghiệp chỉ cần 2 văn bản là Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của từng công ty.

soạn kỹ lưỡng thì chỉ cần: Luật Giáo dục đại học; Quy chế tổ chức và hoạt động các cơ sở giáo dục đại học; Điều lệ của từng cơ sở giáo dục đại học.

Xét riêng Quy chế tổ chức và hoạt động các cơ sở giáo dục đại học, không nên chia quá nhiều loại như Dự thảo⁽²⁾ bởi lẽ rất dễ dẫn đến tình trạng không nhất quán, thậm chí trái ngược nhau giữa các quy chế, và rất khó chỉnh sửa khi cần. Xét về mặt tổ chức và hoạt động,

⁽²⁾ Gồm các loại Quy chế của: trường đại học tư thục, trường cao đẳng tư thục, đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên đại học quốc gia, đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên đại học vùng. Thực ra, việc phân chia như vậy vẫn còn bỏ sót một số loại hình cơ sở giáo dục đại học khác.

không có sự khác biệt lớn giữa các loại hình trường đến mức phải tách nhiều loại quy chế. Nếu có tách thì nên tách làm hai loại: Quy chế tổ chức và hoạt động các cơ sở giáo dục đại học công lập và Quy chế tổ chức và hoạt động các cơ sở giáo dục đại học tư thục. Trong mỗi loại quy chế sẽ có những quy định chung và riêng đối với từng loại cơ sở giáo dục đại học⁽³⁾. Càng ít loại quy chế càng dễ đảm bảo sự nhất quán, hạn chế thiếu sót, thuận tiện khi cần chỉnh sửa, các cơ sở giáo dục dễ thực hiện. Thậm chí nếu biên soạn khéo léo thì có thể gom lại thành một quy chế duy nhất.

1.3. Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường

Quy định Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường (Điều 2 Mục 3 của Dự thảo Nghị định) là không hợp lý. Ví dụ Quy chế tổ chức và hoạt động trường đại học tư thục bao gồm nhiều nội dung liên quan đến góp vốn, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, v.v... Với những nội dung đó, Hiệu trưởng không đủ thẩm quyền ban hành, bởi lẽ Hiệu trưởng là người do HĐQT bầu. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có thẩm quyền thông qua Quy chế này. Và nếu theo kiến nghị đã nêu ở phần 1.2 thì nhà trường chỉ có Điều lệ trường (không có Quy chế tổ chức và hoạt động của trường)⁽⁴⁾. Lúc đó, Điều

lệ trường phải do ĐHQĐ thông qua chứ không phải do Hiệu trưởng ban hành. Hiệu trưởng chỉ có thẩm quyền ban hành những Quy chế nằm dưới Điều lệ trường, sau khi HĐQT thông qua.

2. Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học

2.1. Quy định về Quyền tự chủ

Theo Luật GDĐH, Điều 36 Mục 1 Khoản d thì: “*Cơ sở giáo dục đại học tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*”. Nhưng Mục 3 quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được ...; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo ...; ...; quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học*.” Với quy định này, xem ra ranh giới giữa tự chủ và không tự chủ (hay tự chủ nhiều và tự chủ ít) thực sự khá mong manh, hoàn toàn tùy thuộc vào quyết định của Bộ GDĐT. Vì vậy, Nghị định hướng dẫn nên xác định rõ hơn ranh giới tự chủ của các trường.

2.2. Kiểm soát học phí trong chương trình đào tạo chất lượng cao

Mục 6 Điều 65 Luật GDĐH cho phép “*Cơ sở giáo dục đại học thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao được thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo*”, nhưng “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao; có trách nhiệm quản lý, giám sát mức thu học phí tương xứng với chất lượng đào tạo*.”

viên điều lệ lại được ghi vào Quy chế tổ chức!

Việc này xem ra rất khó thực hiện, bởi lẽ rất khó đánh giá mức học phí bao nhiêu là tương xứng với chất lượng đào tạo. Bộ GDĐT có thể đưa ra tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao, nhưng đo lường mức độ đạt được chất lượng cao để xác định học phí tương xứng là việc làm không tưởng. Hơn nữa, đào tạo theo chương trình chất lượng cao chưa chắc sinh viên tốt nghiệp có chất lượng cao. Vì vậy, rất khó kiểm soát học phí theo chất lượng đào tạo một cách chính xác. Ngoài ra, kiểm soát học phí cũng tương tự như kiểm soát giá trong kinh tế, thường gây những tác động ngoài ý muốn. Hơn nữa, Mục 6 mâu thuẫn với Mục 4 nếu xét các trường tư thục. Vì vậy, nếu phải kiểm soát học phí thì chỉ nên áp dụng đối với các trường công lập và đơn giản là quy định trần học phí, không nên dựa vào ý tưởng “kiểm soát học phí tương xứng với chất lượng đào tạo”.

3. Cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận

Luật GDĐH quy định tại Điều 4 Mục 7: “*Cơ sở giáo dục đại học ... không vì lợi nhuận là cơ sở giáo dục đại học mà phân lợi nhuận tích lũy hằng năm là tài sản chung không chia, để tái đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học; các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn không hưởng lợi tức hoặc hưởng lợi tức hằng năm không vượt quá lãi suất trái phiếu chính phủ*.”

Dự thảo Nghị định đã cụ thể hóa quy định trên (tại Điều 4 của Dự thảo), trong đó có mấy vấn đề cần bàn luận:

- Mục 1 Khoản c quy định: “*Tiền lương, tiền công và tiền thưởng trả cho giảng viên, cán bộ quản lý, thành viên HĐQT và*

⁽³⁾ Ví dụ Luật Doanh nghiệp phân ra: công ty trách nhiệm hữu hạn (1 thành viên và từ 2 thành viên trở lên), công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, nhóm công ty (trong đó có công ty mẹ và công ty con).

⁽⁴⁾ Nếu một chi tiết nhỏ để thấy quy định hiện nay bị vướng về tên gọi: Trong quy chế tổ chức hoạt động của trường đại học tư thục có định nghĩa “*Vốn điều lệ*” là “*tổng giá trị số vốn góp ... được ghi vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*”. Thực ra, trong Luật Doanh nghiệp, người ta gọi là *Vốn điều lệ* vì đây là số vốn được ghi vào Điều lệ công ty. Còn ở đây,

những người lao động khác không cao hơn tiền lương, tiền công và tiền thưởng trả cho giảng viên, cán bộ quản lý và những người lao động cùng trình độ đào tạo, ngạch, bậc, chuyên môn, vị trí làm việc và chức vụ đảm nhiệm ở các trường công lập. Trường hợp trả cao hơn thì tỉ lệ cao hơn không vượt quá tỉ lệ phụ cấp thu hút lao động đến làm việc tại các vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ trong cùng thời kỳ.”

Quy định này liệu có hợp lý? Thực tế, người làm việc ở trường công lập có thể chấp nhận thu nhập thấp hơn vì có những lợi thế mà ở trường tư thực không có. Việc không chế thu nhập trả cho người lao động ở trường tư thực không vì lợi nhuận sẽ làm mất động lực làm việc. Nếu phải không chế, đối tượng cần hướng đến là thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát, nhằm tránh tình trạng dùng thu nhập như một hình thức trá hình của việc chia lợi nhuận.

- Khoản d của Mục 1 Điều 4 chỉ định các mục đích sử dụng phần chênh lệch thu chi hàng năm. Mục này có thiếu sót là thiếu phần “chia lợi tức theo quy định tại Mục b”, cần bổ sung.

- Mục 2 Điều 4 quy định điều kiện để một cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài được công nhận là hoạt động không vì lợi nhuận. Nếu so sánh sẽ thấy quy định đối cơ sở giáo dục trong nước quá khó khăn so với cơ sở giáo dục có vốn nước ngoài, tức không công bằng.

4. Tổ chức hoạt động các trường đại học tư thực

4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Theo quy định tại Điều 14 Luật

GDDH thì ĐHĐCĐ vẫn chưa được khẳng định là một cơ quan nằm trong cơ cấu tổ chức của trường Đại học tư thực. Việc xem nhẹ vai trò của ĐHĐCĐ dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền, trục lợi của Hội đồng quản trị. Điều này đã từng xảy ra trong thực tế.

4.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Điều 17 Luật GDDH khẳng định tại Mục 2 rằng: “HĐQT là tổ chức đại diện duy nhất cho chủ sở hữu của nhà trường”. Tuy nhiên, Mục 3 quy định thành phần của HĐQT gồm đại diện người góp vốn; Hiệu trưởng; đại diện cơ quan quản lý địa phương; đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể; đại diện giảng viên. Quy định này làm nảy sinh mấy vấn đề sau:

+ Có những người không có vốn góp, thậm chí không liên quan đến lợi ích của trường, lại có quyền đại diện cho chủ sở hữu của trường⁽⁵⁾

+ Cơ quan quản lý địa phương tham gia HĐQT là thành phần không liên quan đến lợi ích của trường, sẽ không có động lực quan tâm đến sự phát triển của trường. Mặt khác, nếu địa phương có rất nhiều cơ sở giáo dục đại học tư thực, sẽ khó tìm đủ người có năng lực để cử làm thành viên HĐQT các trường.

+ Đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể là một hay bao nhiêu người, cũng cần được làm rõ.

+ Về phía người góp vốn, quy định này làm mất động lực đầu tư.

May ra, quy định này có thể phù hợp với cơ sở giáo dục không vì lợi nhuận.

- Đại diện người góp vốn trong HĐQT

Mục a Điều 17 quy định cổ đông được bầu vào HĐQT phải

⁽⁵⁾ Nếu những người này được ĐHCĐ mời và cử vào HĐQT (như Luật Doanh nghiệp) thì đó lại là điều tốt.

có “số lượng cổ phần đóng góp ở mức cần thiết theo quy định”. Cần xác định rõ là theo quy định nào. Tốt nhất là nên theo quy định của Điều lệ trường (hoặc Quy chế tổ chức hoạt động của trường)

- Nhiệm vụ của HĐQT

+ Mục 2 của Điều 17 Luật GDDH quy định 5 nhóm nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, e rằng sẽ không đủ. Vì vậy, văn bản dưới Luật nên bổ sung một câu khẳng định chung: “HĐQT là cơ quan quản lý của các cơ sở giáo dục đại học tư thực, có toàn quyền nhân danh nhà trường để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của trường không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.”

+ Khoản đ Mục 2 Điều 17 xác định nhiệm vụ của HĐQT là “Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị, ...”. Nếu chỉ có giám sát thì không đủ, phải khẳng định quyền chỉ đạo của HĐQT. Vì vậy, câu này nên viết lại: “Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng quản trị, ...”

4.3. Giải thể cơ sở giáo dục đại học

Điều 26 Luật GDDH quy định về việc giải thể các cơ sở giáo dục đại học. Cần bổ sung thêm quy định về nguyên tắc xử lý khi giải thể.

5. Tài sản chung không chia của các cơ sở giáo dục đại học tư thực

5.1. Tài sản chung không chia:

Dù Luật Dân sự có nêu định nghĩa thế nào là tài sản chung⁽⁶⁾, nhưng trong một đơn vị cụ thể thì gần như không thể xác định được tài sản nào là tài sản chung,⁽⁷⁾ trừ

⁽⁶⁾ Tài sản chung là tài sản thuộc hình thức sở hữu chung - Điều 214 Luật Dân sự

⁽⁷⁾ Trong Bảng cân đối kế toán, khái niệm “tài sản” bao gồm: 1. Tiền và các khoản tương



trường hợp đặc biệt. Muốn xác định quyền sở hữu phải xuất phát từ nguồn vốn chứ không thể xuất phát từ tài sản. Vì thế, Nghị định hướng dẫn Luật nên dùng thuật ngữ “giá trị tài sản” thay cho “tài sản”, đồng thời phải viết theo kiểu đối chiếu với nguồn hình thành tài sản thì mới xác định được đó là cái gì và có giá trị bao nhiêu.

5.2. Chênh lệch thu chi

Điều 66 Luật GDDH có sử dụng thuật ngữ “Chênh lệch giữa thu và chi”, nhưng nội dung diễn giải thì thực chất là giống “Lợi nhuận” của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Xét bản chất kinh tế, chênh lệch thu chi hoàn toàn khác lợi nhuận. Có khi thu lớn hơn chi nhưng vẫn lỗ (lợi nhuận âm), có khi thu chi bằng nhau nhưng vẫn có lời (lợi nhuận dương). Né tránh khái niệm lợi nhuận để thay bằng một thuật ngữ khác sai về bản chất là việc không nên làm. Tuy nhiên, do Luật đã được thông qua, nên văn bản dưới Luật cần giải thích rõ thế nào là Chênh lệch thu chi.

5.3. Tài sản sở hữu chung do chuyển giao từ dân lập sang tư thực

dương tiền; 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn; 3. Các khoản phải thu ngắn hạn; 4. Hàng tồn kho; 5. Tài sản ngắn hạn khác; 6. Tài sản cố định; 7. Bất động sản đầu tư; 8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn; 9. Tài sản dài hạn khác.

Khoản 1 Điều 3 trong Dự thảo Nghị định định nghĩa: “*Giá trị tài sản đầu tư từ lợi nhuận tích lũy, giá trị tài sản do Nhà nước đầu tư, cấp phát, giao quyền sử dụng và giá trị các tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng và nhận chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học dân lập (nếu có) của cơ sở giáo dục đại học tư thực là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia.*”

Nếu xem tài sản “*nhận chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học dân lập*” là tài sản chung thì không chính xác, vì nó bao hàm toàn bộ giá trị tài sản được chuyển giao. Muốn chính xác phải ghi là “*giá trị tài sản thuộc sở hữu chung không phân chia nhận chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học dân lập (nếu có)*”. Tuy nhiên, phần chuyển giao từ dân lập chỉ tồn tại ở thời điểm chuyển đổi, do đó không nên đưa vào đây mà nên đặt trong các văn bản hướng dẫn chuyển đổi từ dân lập sang tư thực.⁽⁸⁾ Vì vậy, sẽ hay hơn nếu bỏ phần giá trị tài sản chung không chia nhận chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học dân lập ra khỏi định nghĩa giá trị tài sản

⁽⁸⁾ Và khi đánh giá giá trị tài sản chung lúc chuyển đổi cũng sẽ căn cứ vào định nghĩa giá trị tài sản chung của trường đại học tư thực được xác định tại Khoản 1 này, nghĩa là bao gồm: giá trị tài sản đầu tư từ lợi nhuận tích lũy; giá trị các tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng; và giá trị tài sản do Nhà nước đầu tư, cấp phát, giao quyền sử dụng.

chung của trường tư thực.

5.4. Giá trị tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng

Một phần giá trị tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng có thể là tài trợ học bổng, đào tạo giảng viên,... Tiền này sẽ biến mất (ra khỏi Bảng cân đối kế toán) khi chi tiêu. Vì vậy, nếu đưa toàn bộ giá trị tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng vào tài sản chung không chia là không hợp lý. Nên sửa Mục 1 thành “*giá trị các tài sản được tài trợ, ủng hộ, hiến tặng nhằm mục đích phát triển cơ sở vật chất*”, vì đây là phần sẽ tiếp tục tồn tại trong Bảng cân đối kế toán và tạo nên giá trị tài sản chung.

5.5. Nội dung sử dụng tài sản chung không chia

Mục 2 Điều 3 của Dự thảo Nghị định ghi: “*Tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia chỉ được sử dụng vào hoạt động giáo dục, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, phục vụ cho hoạt động học tập và sinh hoạt của người học hoặc cho các mục đích từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội.*”

Ta biết, ngoại trừ chi xây dựng

cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị, hầu hết những khoản chi nêu trên sẽ biến mất (ra khỏi Bảng cân đối kế toán) khi chi tiêu. Vì vậy, sẽ không đúng khi đưa những giá trị này vào giá trị tài sản chung. Cần phải bỏ Mục 2 này.

5.6. Trích 25% chênh lệch thu chi

Trong 25% chênh lệch thu chi trích lại theo Luật GDĐH (Điều 66 Mục 3 phần a) có hai khoản làm tăng giá trị tài sản chung, đó là xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị. Các nội dung chi còn lại không làm tăng giá trị tài sản chung. Vì vậy, cần bổ sung vào Nghị định những nội dung xác định rõ hai thành phần làm tăng giá trị tài sản chung này.

5.7. Nguyên tắc bảo toàn và phát triển giá trị tài sản chung

Luật GDĐH quy định tài sản chung không chia “*được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển*” (Điều 66 Mục 4). Thực tế, nguyên tắc này có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Đã từng có cách hiểu rằng giá trị này cần phải “*được chia thành cổ phần để tính cổ tức như các nguồn vốn cổ phần khác. Cổ tức thu được dùng để bổ sung vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia...*” và cần phải cử người đại diện vốn này như là một cổ đông. (*) Cách hiểu đó làm triệt tiêu động lực góp vốn phát triển trường đại học ngoài công lập.

Như đã nói, muốn xác định giá trị tài sản chung thì phải căn cứ vào nguồn vốn hình thành nó, được ghi nhận dưới dạng nguồn vốn khác (tài khoản 4118) thuộc nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Bảng cân đối kế toán. Chính việc ghi chép này

đã bảo đảm nguyên tắc “bảo toàn”, vì con số này không biến mất cho dù tiền đã chi ra. Còn nguyên tắc “phát triển” thì được thể hiện trong phần trích lại để “xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.” Cần giải thích rõ ý này trong Dự thảo Nghị định.

5.8. Quản lý và sử dụng vốn thuộc sở hữu chung

Mục 4 của Điều 3 trong Dự thảo Nghị định quy định: “*HĐQT cơ sở giáo dục đại học tự thực xây dựng phương án, phương thức sử dụng vốn thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia...*” Thực tế không thể xây dựng phương án, phương thức sử dụng “vốn thuộc sở hữu chung” mà chỉ có thể làm điều đó với “vốn sở hữu chung mới tăng thêm” hàng năm.

Trong khi đó, vấn đề nổi cộm làm cản trở sự phát triển hiện nay là việc chia thành cổ phần, chia cổ tức và cử người đại diện cho vốn sở hữu chung (Quyết định 63/2011/QĐ-TTg). Cần phải có điều khoản phủ định việc này. Vì vậy, đề nghị viết lại Mục 4 như sau: “*Vốn sở hữu chung của cơ sở giáo dục đại học tự thực được thống nhất quản lý bởi Hội đồng quản trị, không được phân chia dưới bất cứ hình thức nào. HĐQT quyết định tỉ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển, đồng thời xây dựng phương án sử dụng sử dụng vốn sở hữu chung tăng thêm hàng năm, phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế tổ chức hoạt động của trường, báo cáo lấy ý kiến quyết định của ĐHĐCĐ tại đại hội cổ đông hàng năm.*”

5.9. Hạch toán vốn sở hữu chung

Tại Điều 3 của Dự thảo Nghị định, Mục 3 và Mục 5 đều nhằm nói đến việc hạch toán giá trị tài sản sở hữu chung, nên được gom

lại thành một Mục, đề nghị ghi như sau: “*Nguồn vốn sở hữu chung phải được hạch toán rõ ràng, minh bạch, đúng nguyên tắc kế toán áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học tự thực và được trình bày trong báo cáo tài chính tại đại hội cổ đông hàng năm. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể nguyên tắc kế toán áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học tự thực.*”

6. Kết luận

Tóm lại, để Luật GDĐH thực sự đi vào cuộc sống, thúc đẩy hệ thống giáo dục đại học phát triển tốt, thì Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GDĐH cần làm rõ những vấn đề mà Luật chưa rõ, cần khắc phục những vấn đề mà Luật chưa thực sự hợp lý, cần mở ra những định hướng đúng cho các văn bản tiếp theo. Những vấn đề, những ý tưởng được nêu ra trong bài viết này như là một cách nhìn phân biện, nhằm gợi mở nội dung cho những cuộc thảo luận sâu hơn trong quá trình hoàn chỉnh Nghị định chính thức cũng như chuẩn bị cho sự ra đời của các văn bản dưới Luật GDĐH sắp tới. Hy vọng bài viết sẽ phần nào hữu dụng đối với các nhà soạn thảo, bổ ích đối với các nhà nghiên cứu nói riêng và độc giả nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học (18/12/2012)
- Luật Giáo dục đại học 2012
- Luật Doanh nghiệp 2005
- Quyết định 63/2011/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực

(*) Quyết định 63/2011/QĐ-TTg, Mục 12 phần c quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 29 của Quy chế 61